

30 NĂM ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM (1992 - 2022)

Dương Thị Thúy Hiền^{1*}, Nguyễn Thu Hằng²

¹ Học viện Chính trị khu vực III

² Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

* Email: Email: thuyhien.hcma3@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/12/2022; ngày hoàn thành phản biện: 26/12/2022; ngày duyệt đăng: 26/12/2022

TÓM TẮT

Ba mươi năm qua, đầu tư trực tiếp (FDI) luôn là điểm sáng, là một trong những lĩnh vực quan trọng của hợp tác kinh tế song phương Việt Nam - Hàn Quốc. Qua 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, Hàn Quốc đã trở thành nhà đầu tư lớn nhất tại Việt Nam. Nhiều dự án đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc tại Việt Nam triển khai đã và đang phát huy hiệu quả, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Tuy nhiên, xét về tiềm năng hợp tác to lớn giữa hai nước thì lĩnh vực này vẫn được đánh giá là còn nhiều dư địa phát triển trong thời gian tới.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp, Hàn Quốc, Việt Nam.

1. NHỮNG THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ TRONG 30 NĂM ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM (1992-2022)

1.1. Những thành tựu

Thứ nhất, về tốc độ và quy mô vốn đầu tư

Hàn Quốc là một trong những quốc gia có quan hệ hợp tác đầu tư với Việt Nam từ rất sớm, ngay sau khi Việt Nam thực hiện chính sách mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài. Trong giai đoạn 1988 - 1991, nguồn vốn FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam còn rất khiêm tốn. Ngày 22/12/1992, Việt Nam và Hàn Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam tính lũy kế đạt 140,6 triệu USD. Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên ASEAN là một bước ngoặt trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Sự kiện này cũng đã tạo ra những bứt phá đối với nguồn vốn FDI của Hàn Quốc tại nước ta. Năm 1995, vốn FDI từ Hàn Quốc vào Việt Nam tính lũy kế đạt 656,8 triệu USD (tăng 90,2% so với năm 1994) và năm 1996, tính

lũy kế đạt 844,5 triệu USD (tăng 28,6% so với năm 1995)¹. Tuy nhiên, trong giai đoạn 1997 - 2000, FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam có sự sụt giảm nghiêm trọng, thậm chí năm 1998, FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam chỉ còn 27,8 triệu USD² do ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á 1997-1998. Từ năm 2001, khi nền kinh tế Hàn Quốc có những bước hồi phục, vượt qua giai đoạn khó khăn, nguồn vốn FDI của Hàn Quốc đã quay trở lại và được đẩy mạnh tại thị trường Việt Nam. Đồng thời, giữa thập niên 2000, nền kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực như: Việt Nam ban hành Luật cạnh tranh, góp phần tạo lập và duy trì môi trường kinh doanh bình đẳng, kiểm soát độc quyền và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (tháng 7/2005); gia nhập WTO (tháng 11/2006) và tháng 6/2007, Khu vực mậu dịch tự do giữa Hàn Quốc và ASEAN có hiệu lực... đã góp phần quan trọng trong việc thu hút FDI. Do đó, tốc độ và quy mô đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam ngày càng tăng mạnh (năm 2006, số vốn FDI tính lũy kế đạt 2,78 tỷ USD, tăng 369% so với năm 2005 đạt 592,3 triệu USD; năm 2007 con số này đạt 4,2 tỷ USD, tăng 51% so với năm 2006. Tuy nhiên, bước sang năm 2008, FDI từ Hàn Quốc vào Việt Nam lại có sự sụt giảm nghiêm trọng do tác động của khủng hoảng tài chính tiền tệ toàn cầu (năm 2008, số vốn FDI tính lũy kế giảm 52% so với năm 2007; năm 2009, giảm 19,8% so với năm 2008)³.

Bước vào thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam bắt đầu có sự hồi phục và tăng mạnh. Bảng 1 cho thấy, giai đoạn 2012-2021, số dự án FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam tăng gần gấp 3 lần và số vốn FDI đăng ký tăng hơn 3 lần. Đặc biệt, kể từ năm 2014 đến nay, Hàn Quốc trở thành nhà đầu tư FDI lớn nhất tại Việt Nam xét cả về số lượng dự án và tổng vốn đăng ký đầu tư. Bên cạnh đó, cuối năm 2015, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (KVFTA) có hiệu lực, đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam tăng rõ rệt (Bảng 1) đã góp phần thúc đẩy hơn nữa đầu tư từ Hàn Quốc vào Việt Nam. Đặc biệt, năm 2016 và đầu năm 2017, nhiều công ty vệ tinh của Hàn Quốc đã đăng ký và đầu tư vào Việt Nam tham gia cung cấp thiết bị, linh kiện phụ trợ cho Samsung và LG⁴.

Trong bối cảnh dịch COVID 19 bùng phát và diễn biến phức tạp, việc nhập cảnh của nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn nhưng đầu tư của Hàn Quốc tại Việt Nam vẫn đạt kết quả rất khả quan. Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và

¹ Ban Quan hệ quốc tế - VCCI (2012), “Hồ sơ thị trường Hàn Quốc”, www.vcci.com.vn/Images/Uploaded/.../HSTT-Han-Quoc-T4-2012.pdf

² Ban Quan hệ quốc tế - VCCI (2012), *Tlđđ*.

³ Cục Đầu tư nước ngoài (2009), “Tình hình đầu tư của Hàn Quốc tại Việt Nam”, <http://fia.mpi.gov.vn/news.aspx?ctl=news&p=2.43&mID=8>

⁴ Cục Đầu tư nước ngoài (2017), “Hiệp định VKFTA có tác động như thế nào đến quan hệ đầu tư Việt Nam - Hàn Quốc”, <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/f3cb5873-74b1-4a47-a57c-a491e0be4051/NewsID/8a507d02-3f72-45a6-b742-d5e70afd48fa>

Đầu tư, tính lũy kể đến ngày 20/2/2022, Hàn Quốc có 9.248 dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam, với vốn đăng ký đạt 78,43 tỷ USD, chiếm 18,3% tổng vốn đầu tư đăng ký của cả nước và đứng đầu trong số 140 quốc gia, vùng lãnh thổ có đầu tư trực tiếp tại Việt Nam⁵.

Một số dự án FDI tiêu biểu của Hàn Quốc như: Dự án Samsung Display Việt Nam, cấp phép ngày 01/07/2014, nhà đầu tư là Sam Sung Display Co.,Ltd., tổng vốn đầu tư đăng ký 6,5 tỷ USD, dự án tại Bắc Ninh; Dự án Lg Display Hải Phòng, cấp phép ngày 15/04/2016, nhà đầu tư là LG Display Co.,Ltd. Tổng vốn đầu tư đăng ký 4,65 tỷ USD tại Hải Phòng; Dự án Tổ hợp công nghệ cao Samsung Thái Nguyên - giai đoạn 2, cấp phép ngày 17/11/2014. Nhà đầu tư Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên với tổng vốn đầu tư đăng ký 3 tỷ USD tại Thái Nguyên⁶.

Bảng 1. Đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc vào Việt Nam giai đoạn 2012 – 2022 (số lũy kể)

Năm	Số dự án	Số vốn đăng ký (tỷ USD)	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng
2012	3.186	24,7	11,7	2/58
2013	3.546	29,04	12,6	3/101
2014	4.110	37,23	14,8	1/101
2015	4.970	45,19	11,5	1/110
2016	5,747	50,71	17,3	1/116
2017	6.532	57,66	18,1	1/125
2018	7.459	62,56	18,3	1/130
2019	8.467	67,71	18,7	1/135
2020	8.983	70,65	18,4	1/139
2021	9.223	74,66	18,3	1/140
Tính lũy kể đến ngày 20/2/ 2022	9.248	78,43	18,7	1/140

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam

⁵ Cổng thông tin điện tử Bộ kế hoạch và Đầu tư (2022), “Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 2 tháng đầu năm 2022”, <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=53987&idcm=208>

⁶ Cục Đầu tư nước ngoài (2021), Tình hình hợp tác đầu tư hai chiều Việt Nam - Hàn Quốc, <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/95f75c5b-b0bf-40a3-b486-2cc4e2d5cc01/NewsID/aab9d412-ca02-4d0f-bead-364d082bc26a/MenuID/50557cad-3121-46e2-8449-37bfb0a0448>

Thứ hai, về cơ cấu đầu tư

Trước khi hai nước ra Tuyên bố chung về “Quan hệ đối tác toàn diện thế kỷ XXI” (tháng 8/2001), dòng vốn FDI của Hàn Quốc tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào công nghiệp chế biến (chiếm 85,7%)⁷. Từ năm 2009, khi quan hệ hai nước được nâng cấp lên thành “Đối tác chiến lược”, cơ cấu nguồn vốn FDI của Hàn Quốc tại Việt Nam từng bước có sự điều chỉnh. Từ việc chủ yếu tập trung trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, FDI Hàn Quốc còn được mở rộng sang các lĩnh vực công nghệ cao, dịch vụ, khai khoáng, bất động sản, tài chính⁸... Hiện nay, vốn đầu tư của Hàn Quốc chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực trọng tâm, như các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (74%); kinh doanh bất động sản (13,1%) và xây dựng (3,8%)⁹.

Thứ ba, về địa bàn đầu tư

Theo thời gian, sự phân bố nguồn vốn FDI của Hàn Quốc tại Việt Nam dần được mở rộng ra khắp các tỉnh thành. Chẳng hạn như, năm 2012, FDI Hàn Quốc có mặt tại 47 tỉnh, thành tại Việt Nam thì hiện nay đã có đầu tư tại 59 tỉnh thành phố của Việt Nam, kể cả những vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên, các tỉnh thành như Bắc Ninh, Đồng Nai, Hải Phòng và Hà Nội vẫn là những địa phương đang có sức hút lớn đối với các nhà đầu tư Hàn Quốc. Cụ thể như: Bắc Ninh chiếm 14,5% vốn FDI của Hàn Quốc tại Việt Nam, Hải Phòng chiếm 12,9% và Hà Nội chiếm 7,8%¹⁰.

Thứ tư, về hình thức đầu tư

Thời gian qua, đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc vào Việt Nam chủ yếu theo năm hình thức gồm 100% vốn đầu tư nước ngoài; liên doanh; công ty cổ phần; hợp đồng BOT, BT, BTO; hợp đồng hợp tác kinh doanh. Trong số các hình thức này, hình thức được ưa chuộng nhất vẫn là 100% vốn đầu tư nước ngoài (trước năm 2005, hình thức này thường chiếm dưới 80% số dự án và tổng vốn đăng ký thì hiện nay hình thức này chiếm tỷ lệ trên 90% số dự án và tổng vốn đăng ký). Sở dĩ các nhà đầu tư Hàn Quốc ưu tiên hình thức này là bởi đây là hình thức mà họ có toàn quyền điều hành, quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án FDI, vì vậy, tạo tâm lý thoải mái, tự chủ, không chịu sự ràng buộc cho nhà đầu tư.

⁷ Ngô Xuân Bình (chủ biên, 2012), *Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc trong bối cảnh quốc tế mới*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 147.

⁸ Ngô Xuân Bình (chủ biên, 2012), *sđđ*, tr. 148

⁹ Cục Đầu tư nước ngoài (2021), “Tình hình hợp tác đầu tư hai chiều Việt Nam - Hàn Quốc”, <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/95f75c5b-b0bf-40a3-b486-2cc4e2d5cc01/NewsID/aab9d412-ca02-4d0f-bead-364d082bc26a/MenuID/50557cad-3121-46e2-8449-37bfb0a0448>

¹⁰ Cục Đầu tư nước ngoài (2021), *bđđ*.

1.2. Những hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đạt được, FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam trong 30 năm qua cũng còn nhiều hạn chế như:

Thứ nhất, sự mất cân đối trong cơ cấu đầu tư. Các dự án của Hàn Quốc tại Việt Nam tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực trọng tâm, như công nghiệp chế biến, kinh doanh bất động sản, công nghiệp xây dựng. Trong khi đó, vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp phụ trợ và các ngành hiện Việt Nam đang khuyến khích đầu tư như nông nghiệp chất lượng cao, sản xuất thiết bị y tế, giáo dục, các dịch vụ thông tin truyền thông, logistic vẫn chưa được nhiều nhà đầu tư Hàn Quốc quan tâm.

Thứ hai, Hàn Quốc chỉ chú trọng đầu tư vào những đô thị lớn, và những khu công nghiệp, khu chế xuất có chính sách đầu tư thông thoáng, cơ sở hạ tầng tốt và nằm ở vị trí thuận lợi còn những tỉnh thuộc khu vực miền núi thì hầu như không đáng kể nên cơ đầu tư theo lãnh thổ cũng có sự mất cân đối lớn.

Thứ ba, về hình thức đầu tư, do chủ yếu ưu tiên hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài, hình thức liên doanh chiếm không đáng kể nên cũng đã ít nhiều hạn chế khả năng chuyển giao khoa học và công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến của các doanh nghiệp Hàn Quốc cho Việt Nam.

2. TÁC ĐỘNG TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA HÀN QUỐC ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM

Với những kết quả đạt được trong 30 năm qua, vốn đầu tư của Hàn Quốc đã và đang góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng kinh tế nhanh và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam trong thời gian qua và trong thời gian tới. Với khoản đầu tư ngày càng lớn, các doanh nghiệp Hàn Quốc đang giữ vai trò quan trọng trong một số lĩnh vực kinh tế trọng yếu của Việt Nam như công nghiệp điện tử, sản xuất ô tô, may mặc, xây dựng... Doanh nghiệp FDI Hàn Quốc là thành phần quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, sử dụng khoảng 700 nghìn lao động và đóng góp khoảng 30% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam¹¹. Điển hình như, trong năm 2019, chỉ riêng kim ngạch xuất khẩu của Samsung đạt khoảng 59 tỷ USD, đóng góp gần 23% vào tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam và tạo công ăn việc làm cho 130.000 người lao động¹². Sự có mặt của các doanh nghiệp FDI Hàn Quốc đã góp phần nâng cao năng lực xuất khẩu, giúp chúng ta từng bước tham gia và cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu. Cơ cấu

¹¹ Đức Trung (2016), "Tổng quan quan hệ hợp tác Việt Nam – Hàn Quốc", <https://bacninh.gov.vn/news/-/details/57283/tong-quan-quan-he-hop-tac-viet-nam-han-quoc>

¹² Hoàng Nam (2021), "Samsung Việt Nam: Cùng Việt Nam phát triển thịnh vượng", <https://baquocte.vn/samsung-viet-nam-cung-viet-nam-phat-trien-thinh-vuong-135855.html>

hàng xuất khẩu của Việt Nam dần chuyển dịch từ nguyên liệu thô, sản phẩm nông lâm thủy sản sơ chế và hàng hóa có giá trị gia tăng thấp sang cơ cấu xuất khẩu nhóm hàng điện tử, cơ khí chế tạo, hàng tiêu dùng giá trị gia tăng cao. Vốn FDI của Hàn Quốc tác động tích cực tới việc mở rộng thị trường xuất khẩu sang các thị trường khó tính như: Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu (EU); đồng thời, còn góp phần ổn định thị trường trong nước, hạn chế nhập siêu thông qua việc cung cấp cho thị trường nội địa các sản phẩm chất lượng cao do doanh nghiệp trong nước sản xuất thay vì phải nhập khẩu như trước đây¹³. Với sự có mặt của các tập đoàn kinh tế lớn như Samsung, LG (lĩnh vực công nghiệp chế tạo), Kumho, Doosan, Hyundai, GS, Posco (lĩnh vực công nghiệp nặng và đóng tàu) đã có tác động quan trọng thúc đẩy các ngành công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam phát triển; nhất là các lĩnh vực: cơ khí, luyện kim, hóa chất, điện - điện tử, dệt may, da giày... Nhiều dự án của Samsung Việt Nam là một trong những ví dụ điển hình về việc đồng hành cùng doanh nghiệp phụ trợ phát triển. Số liệu công bố mới đây cho thấy, tỷ lệ nội địa hóa của Samsung tại Việt Nam là 59% . Trong đó, con số các doanh nghiệp Việt Nam là nhà cung ứng cấp 1 đã tăng lên mạnh mẽ từ 4 doanh nghiệp vào năm 2014 lên 35 doanh nghiệp tính đến cuối năm 2018 và dự kiến sẽ có 50 doanh nghiệp vào năm 2020. Ngoài ra, số lượng nhà cung ứng cấp 2 cũng tăng từ 157 doanh nghiệp năm 2018 lên 172 doanh nghiệp trong năm 2019¹⁴. Mặt khác, nhờ có sự hiện diện của doanh nghiệp FDI Hàn Quốc đã làm gia tăng sự quan tâm của người dân Hàn Quốc, đặc biệt là thế hệ trẻ, về thiên nhiên, con người, bản sắc văn hóa Việt Nam, từ đó thúc đẩy ngành du lịch của Việt Nam phát triển bởi những năm gần đây Hàn Quốc trở thành một trong những thị trường cung cấp khách du lịch trọng điểm của Việt Nam¹⁵.

Ngoài ra, một tác động nữa không thể phủ nhận từ nguồn vốn FDI của Hàn Quốc tại Việt Nam, đó là, dù mức độ chuyển giao công nghệ chưa được như kỳ vọng nhưng thời gian qua, nguồn vốn FDI của Hàn Quốc tại Việt Nam đã đang và sẽ góp phần nhất định cải thiện trình độ công nghệ của nước ta. Mới đây, vào ngày 02/3/2020, Samsung Việt Nam chính thức công bố về việc bắt đầu xây dựng Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển mới với quy mô lớn nhất khu vực Đông Nam Á tại Hà Nội. Thông qua việc xây dựng Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển hiện đại, Samsung mong muốn năng lực nghiên cứu của các kỹ sư Việt Nam sẽ được nâng tầm, không chỉ trong lĩnh

¹³ Quang Dân (2020), “Vốn FDI Hàn Quốc vào Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng trong ngắn hạn do Covid-19”, <https://www.vietdata.vn/von-fdi-han-quoc-vao-viet-nam-se-bi-anh-huong-trong-ngan-han-do-covid-19-175663928>

¹⁴ Phạm Trung Hiền, Trần Sơn Bách, Lê Minh Sơn, Nguyễn Thị Hạnh, Ngô Xuân Quảng, Phạm Thanh Trà, “Doanh nghiệp phụ trợ Việt “lớn lên” cùng các dự án tỷ USD của Samsung”, <https://www.vietnamplus.vn/samsung/doanh-nghiep-phu-tro-viet-lon-len-cung-cac-du-an-ty-usd-cua-samsung.html>

¹⁵ Quang Dân (2020), bdd.

vực phát triển sản phẩm mà còn ở các lĩnh vực nghiên cứu đang là xu hướng của thế giới như trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), mạng 5G... tạo tiền đề để Việt Nam có thể đi trước đón đầu với những thay đổi của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0¹⁶.

Bên cạnh những tác động tích cực, nguồn vốn FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam cũng có những tác động tiêu cực như sự phụ thuộc của một doanh nghiệp trong nước vào các tập đoàn Hàn Quốc tại Việt Nam; phát sinh những vấn đề liên quan đến quản lý và sử dụng lao động; môi trường; thất thoát thuế của Nhà nước... Điển hình như tại Bắc Ninh – địa phương tiếp nhận số vốn FDI lớn nhất từ Hàn Quốc đã ghi nhận có: Một bộ phận doanh nghiệp FDI Hàn Quốc đang gây thất thoát về nguồn thu thuế của Nhà nước qua hiện tượng chuyển giá trong hoạt động thương mại giữa nội bộ các công ty thông qua hình thức gia công cho Công ty mẹ hoặc gia công cho bạn hàng; Một số doanh nghiệp chưa nghiêm túc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với người lao động dẫn đến tình trạng tranh chấp, đình công, lãn công; chi phí trả lương cho người lao động chưa tương xứng với công việc người lao động đảm nhận; Đa số các doanh nghiệp FDI Hàn Quốc đều sử dụng chủ yếu lao động nữ gây nên sự mất cân đối về lao động trong lực lượng lao động, ảnh hưởng đến sự phát triển của một số ngành công nghiệp khác như may mặc, sản xuất hàng dân dụng...¹⁷

3. TRIỂN VỌNG HỢP TÁC ĐẦU TƯ VIỆT NAM - HÀN QUỐC

Như đề cập ở trên, 30 năm qua, vốn FDI từ Hàn Quốc vào Việt Nam liên tục tăng. Hàn Quốc đã trở thành đối tác đầu tư quan trọng hàng đầu của Việt Nam bởi số vốn lớn, số dự án nhiều và Hàn Quốc cũng đang dần hướng vào đúng mục tiêu chiến lược thu hút vốn FDI của Việt Nam, đó là khuyến khích các dự án công nghệ cao, công nghệ xanh, thân thiện môi trường để đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững.

Dù có những tác động bất lợi từ đại dịch Covid-19 thời gian qua nhưng với chính sách chống dịch và phát triển kinh tế của Chính phủ Việt Nam đã tạo ra được niềm tin nhất định với các nhà đầu tư Hàn Quốc. Không chỉ vậy, việc Việt Nam và Hàn Quốc hiện đã thiết lập và tham gia nhiều cơ chế hợp tác song phương và đa phương như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA); Hiệp định

¹⁶ Samsung Newsroom Việt Nam (2020), "Samsung bắt đầu xây dựng Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển mới tại Việt Nam", <https://news.samsung.com/vn/samsung-bat-dau-xay-dung-trung-tam-nghien-cuu-va-phat-trien-moi-tai-viet-nam>

¹⁷ Đinh Hoàng Dũng (2020), "Đầu tư của hàn quốc tại các KCN Bắc Ninh – Những hạn chế và xu hướng thu hút đến năm 2020", <https://www.bacninh.gov.vn/web/ban-quan-ly-cac-khu-cong-nghiep/news/-/details/141248/-au-tu-cua-han-quoc-tai-cac-kcn-bac-ninh-nhung-han-che-va-xu-huong-thu-hut-en-nam-2020>

đối tác kinh tế toàn diện (RCEP)... là những cơ sở, động lực quan trọng để Việt Nam tiếp tục thúc đẩy hợp tác kinh tế với Hàn Quốc nói chung và đón những dòng vốn FDI mới từ Hàn Quốc.

Hiện Việt Nam đang có nhu cầu lớn về vốn FDI trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, điện, điện tử, công nghệ thông tin, nông nghiệp chất lượng cao, môi trường, công nghiệp chế tạo, y tế và phát triển hạ tầng ... nên đây sẽ là những ngành còn nhiều dư địa để thu hút vốn FDI từ Hàn Quốc. Tuy vậy, để có thể thu hút được nhiều hơn nữa các dự án FDI từ Hàn Quốc trong thời gian tới, các bộ, ngành và địa phương khác nhau của Việt Nam cần tổ chức nhiều hoạt động hơn nữa cung cấp thông tin, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp của Hàn Quốc đầu tư tại Việt Nam; hợp tác với Chính phủ Hàn Quốc chia sẻ kinh nghiệm trong việc xây dựng chính sách thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ hỗ trợ doanh nghiệp đã có dự án đầu tư tại Việt Nam; nghiên cứu xây dựng kênh liên hệ định kỳ, thường xuyên giữa đại diện Chính phủ hai nước về lĩnh vực đầu tư để hỗ trợ, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc doanh nghiệp Hàn Quốc hoạt động tại Việt Nam...

Tóm lại, 30 năm qua, vốn FDI từ Hàn Quốc vào Việt Nam đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, Hàn Quốc trở thành nước cung cấp FDI quan trọng của Việt Nam. Trong khi đó, hiện nhu cầu lớn FDI từ phía Việt Nam còn rất lớn và nguồn cung FDI từ phía Hàn Quốc ra bên ngoài vẫn rất dồi dào, cộng thêm việc chính phủ Việt Nam không ngừng nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư nên triển vọng thu hút FDI từ vào Việt Nam thời gian tới là rất lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Quan hệ quốc tế - VCCI (2012), *Hồ sơ thị trường Hàn Quốc*, www.vcci.com.vn/Images/Uploaded/.../HSTT-Han-Quoc-T4-2012.pdf
- [2]. Ngô Xuân Bình (chủ biên, 2012), *Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc trong bối cảnh quốc tế mới*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [3]. Cổng thông tin điện tử Bộ kế hoạch và Đầu tư (2022), “Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 2 tháng đầu năm 2022”, <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=53987&idcm=208>
- [4]. Cục Đầu tư nước ngoài (2009), “Tình hình đầu tư của Hàn Quốc tại Việt Nam”, <http://fia.mpi.gov.vn/news.aspx?ctl=news&p=2.43&mID=8>
- [5]. Cục Đầu tư nước ngoài (2017), “Hiệp định VKFTA có tác động như thế nào đến quan hệ đầu tư Việt Nam - Hàn Quốc”, <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/f3cb5873-74b1-4a47-a57c-a491e0be4051/NewsID/8a507d02-3f72-45a6-b742-d5e70afd48fa>
- [6]. Cục Đầu tư nước ngoài (2021), “Tình hình hợp tác đầu tư hai chiều Việt Nam - Hàn Quốc”, <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/95f75c5b-b0bf-40a3-b486->

2cc4e2d5cc01/NewsID/aab9d412-ca02-4d0f-bead-364d082bc26a/MenuID/50557cad-3121-46e2-8449-37bfb0a0448

- [7]. Quang Dân (2020), “Vốn FDI Hàn Quốc vào Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng trong ngắn hạn do Covid-19”, <https://www.vietdata.vn/von-fdi-han-quoc-vao-viet-nam-se-bi-anh-huong-trong-ngan-han-do-covid-19-175663928>
- [8]. Đinh Hoàng Dũng (2020), “Đầu tư của Hàn Quốc tại các KCN Bắc Ninh – Những hạn chế và xu hướng thu hút đến năm 2020”, <https://www.bacninh.gov.vn/web/ban-quan-ly-cac-khu-cong-nghiep/news/-/details/141248/au-tu-cua-han-quoc-tai-cac-kcn-bac-ninh-nhung-han-che-va-xu-huong-thu-hut-en-nam-2020>
- [9]. Phạm Trung Hiền, Trần Sơn Bách, Lê Minh Sơn, Nguyễn Thị Hạnh, Ngô Xuân Quảng, Phạm Thanh Trà, “Doanh nghiệp phụ trợ Việt “lớn lên” cùng các dự án tỷ USD của Samsung”, <https://www.vietnamplus.vn/samsung/doanh-nghiep-phu-tro-viet-lon-len-cung-cac-du-an-ty-usd-cua-samsung.html>
- [10]. Hoàng Nam (2021), “Samsung Việt Nam: Cùng Việt Nam phát triển thịnh vượng”, <https://baoquocte.vn/samsung-viet-nam-cung-viet-nam-phat-trien-thinh-vuong-135855.html>
- [11]. Samsung Newsroom Việt Nam (2020), “Samsung bắt đầu xây dựng Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển mới tại Việt Nam”, <https://news.samsung.com/vn/samsung-bat-dau-xay-dung-trung-tam-nghien-cuu-va-phat-trien-moi-tai-viet-nam>
- [12]. Đức Trung (2016), “Tổng quan quan hệ hợp tác Việt Nam – Hàn Quốc”, <https://bacninh.gov.vn/news/-/details/57283/tong-quan-quan-he-hop-tac-viet-nam-han-quoc>

30 YEARS OF SOUTH KOREA'S DIRECT INVESTMENT IN VIETNAM (1992 - 2022)

Duong Thi Thuy Hien^{1*}, Nguyen Thu Hang²

¹ The Academy of Politics Region III

² University of Sciences, Hue University

* Email: Email: thuyhien.hcma3@gmail.com

ABSTRACT

Foreign direct investment (FDI) has been one of the most significant areas of bilateral economic cooperation between Vietnam and South Korea for the past three decades. After thirty years of diplomatic relations, South Korea has become Vietnam's largest investor. Numerous Korean direct investment projects in Vietnam have been implemented and effectively promoted, contributing significantly to Vietnam's socio-economic development. Regarding the important potential for cooperation between the two countries, this field is viewed as a great prospect in the near future.

Keywords: FDI, South Korea, Vietnam.



Duong Thi Thuy Hien sinh ngày 04/01/1981 tại Đắk Lắk. Bà nhận bằng cử nhân năm 2003 và bằng thạc sĩ năm 2008 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2021, bà nhận bằng tiến sĩ tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện đang là giảng viên khoa Chính trị học và Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị khu vực III.

Lĩnh vực nghiên cứu: Quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á, chính sách đối ngoại của một số nước.



Nguyễn Thu Hằng sinh ngày 15/6/1985 tại Huế. Bà nhận bằng cử nhân năm 2008 và bằng thạc sĩ năm 2010 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử Việt Nam hiện đại, Kinh tế - xã hội Việt Nam hiện đại, Thể chế chính trị Việt Nam hiện đại, Giao lưu văn hoá Đông - Tây.